

Bản án số: 128/2021/DS-PT

Ngày: 01 - 7 - 2021

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2021/QĐXX-PT ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kim U, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Quách Ngọc L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/5/2019), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Từ Kim P, Luật sư của Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tiêu Thị S, sinh năm 1960;

2. Chị Lê Hồng C, sinh năm 1986;
3. Chị Lê Cẩm H, sinh năm 1990;
4. Anh Lê Vũ B, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông M, bà S, chị C và chị H: Anh Lê Vũ B, (Theo giấy ủy quyền ngày 15/6/2021), (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Lê Kim U, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Kim U có người đại diện theo ủy quyền là chị Quách Ngọc L trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông Lê Văn T và bà Phan Thị L cho bà Lê Thị T, đến năm 1990 bà T chuyển nhượng cho bà Lê Kim U. Đến năm 1994 ông T còn canh tác, lúc này bà U đào con kênh 3m đắp thành con bờ 3,5m chạy dài từ sông Cái Ngay đến hậu đất, phần đất ông T là con kênh 2,5m đắp lên thành con bờ 3,0m hai bên có con bờ chung là 6,5m.

Năm 1996 bà U và ông M cùng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong quá trình sử dụng đất thửa số 182 và 183 của bà U, ông M có thuê xáng cuốc vào mức phần đất của bà U ngang 3,0m nên phần bờ của bà U còn lại 0,5m, thửa số 183 ông M lấn chiếm khoảng 324m², còn phần đất thổ cư và lập vườn thì ông M cuốc bờ lấn qua đất bà U khoảng 3,0m, diện tích lấn chiếm khoảng 432m². Như vậy cả hai thửa số 182 và 183 ông M lấn chiếm khoảng 756m².

Chị L xác định khi bà T chuyển nhượng của bà U 01 công đất thì chỉ bao gồm đất thịt, chưa bao gồm mương bờ nên trong giấy chuyển nhượng giữa bà T và bà U thể hiện phần đất thịt 01 công và mương, bờ nên chiều ngang đất chuyển nhượng là 40m, phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà U được cấp vào năm 1996.

Bà U yêu cầu ông M trả lại diện tích đất lấn chiếm 756m² và yêu cầu khôi phục lại hiện trạng ban đầu của hai phần đất đã lấn chiếm.

Bị đơn ông Lê Thanh M có người đại diện theo ủy quyền là anh Lê Vũ B trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông nội là Lê Văn T và bà nội là bà Phan Thị L cho cha anh là ông Lê Thanh M vào năm 1987, diện tích khoảng 52.000m². Ông Lê Văn T ban đầu dự định cho bà Lê Thị T 15 tầm, nhưng sau khi đo đạc thì 15 tầm dính vào khu vực nhà mồ do ông T dự định sẵn nên ông T cho bà T 12 tầm (tương đương 36m). Trong đó có cả kênh và bờ, khi cho đất bà T không có cắm ranh giới cụ thể. Năm 1990 bà T chuyển nhượng cho bà U cũng chưa có

ranh cụ thể chỉ nói là chuyển nhượng 01 công, đến năm 1996 làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho bà U và ông M nhưng không có đo đạc cụ thể, đến năm 2000 chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm ông M có đo từ giáp ranh đất trước đây mà ông T cho bà T đo qua 3,5m để làm đường xỏ và đặt cổng xỏ vuông, từ khi đặt cổng xỏ thì bà U không có ý kiến gì.

Đến năm 2019 thì bà U cho rằng phần đất của bà ngang 40m chạy dài khoảng 260m. Nay ông M không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Vũ B trình bày: Thống nhất theo ý kiến của ông M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim U về việc yêu cầu ông Lê Thanh M trả diện tích đất 756m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim U về việc yêu cầu ông Lê Thanh M khôi phục lại hiện trạng ban đầu (có sơ đồ đo đạc kèm theo ngày 17/3/2020 và ngày 20/10/2020 của Tòa án)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/4/2021, nguyên đơn bà Lê Kim U có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Thanh M trả cho bà Lê Kim U diện tích đất 756m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và yêu cầu ông Lê Thanh M khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Quách Ngọc L trình bày:* Nguyên đơn rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu khôi phục lại hiện trạng ban đầu; giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu ông M giao trả lại 756m² đất. Căn cứ kháng cáo: đất tranh chấp bà U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cộng cả diện tích đất tranh chấp thì đất bà U đủ so với giấy chứng nhận trong khi đất của ông M thừa gần 10.000m²; cây trụ đá là ranh đất; nhân chứng tại địa phương có cả thân tộc xác nhận đất của bà U ngang 40m; giấy sang bán đất của bà T thể hiện bán đất thit 01 công ngang (36m) chưa kể mương, bờ; ông M là người giữ giấy chứng nhận QSD đất do cụ Thiệt đứng tên nên ông M, bà U là người đi đăng ký kê khai để cấp đất và tách sổ cho cả ông M và bà U.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Đồng ý với ý kiến của đại diện nguyên đơn; ngoài ra bổ sung thêm vào năm 1996 khi bà U tranh chấp ranh đất với bà B thì chính ông M đứng ra làm chứng và xác nhận bà U có ½ bờ mương, tính từ ranh đất của bà B đo qua đến giáp ranh đất ông M thì chiều ngang đất của bà U 40m là đúng như giấy chứng nhận QSD đất được cấp.

- *Anh Lê Vũ B trình bày*: Không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn với những căn cứ: Bà T chỉ sang cho bà U chiều ngang 36m, nếu tính chiều ngang 36m thì bà U đủ đất còn tính ngang 40m bà U thừa 3300m²; nếu tính đất bà U ngang 40m thì vướng phần nền mộ trước đây ông nội anh Bảo đã dọn sẵn; bà U tự đăng ký kê khai và nhờ người xác nhận nên mới được cấp ngang 40m; trụ đá giữa bà U Thu và bà U mới cắm nên không chính xác.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm*:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung rút kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án sơ thẩm tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim U về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Thanh M trả diện tích đất 756m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim U về việc yêu cầu ông Lê Thanh M khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

Nguyên đơn bà Lê Kim U có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Thanh M trả cho bà Lê Kim U diện tích đất 756m² và khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

[2] Xét kháng cáo

[2.1] Xem xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao trả quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất diện tích 756m²

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, thể hiện: Nguyên đơn Lê Kim U, bị đơn Lê Thanh M và bà Lê Thị T là anh chị em ruột. Ông M, bà T được cha mẹ cho QSD đất, năm 1990 bà T sang nhượng lại toàn bộ cho bà U phần đất được tặng cho. Ông M không đồng ý trả lại cho bà U 756m² với lý do giấy sang nhượng bà T bán cho bà U 36m ngang nhưng hiện tại đất của bà U 40m chiều ngang. Với ý kiến của bị đơn, nhận thấy:

- Giấy sang nhượng thể hiện, bà T sang 01 công ngang (36m) kể từ Kinh đứng cặp bà B qua có mương phen cái làm chuẩn, còn mương riêng, bờ không kê vào đất liền. Với nội dung này thì ngoài 36m ngang đất thịt thì còn bờ, mương chưa tính.

- Năm 1996, ông M và bà U cùng đi đăng ký kê khai để xin cấp giấy chứng nhận QSD cho ông M và bà U. Cùng ngày 12/02/1996 ông M được cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 52.920m², bà U được cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 33.380m² nhưng theo kết quả đo đạc thực tế thì đất của ông M thừa khoảng 10.000m²; đất bà U nếu cộng luôn diện tích tranh chấp thì đủ so với diện tích trong giấy.

Tại thời điểm năm 1996, cụ Thiệt đứng tên QSD đất cho cả ông M và bà U, ông M là người giữ giấy của cụ Thiệt, cho nên phải có ý kiến của ông M về việc tách sổ cho bà U và bà U được sử dụng diện tích bao nhiêu để bà U được tách sổ từ tên cụ Thiệt sang tên bà U. Ông M cho rằng bà U tự kê khai để được cấp giấy là không phù hợp với thực tế.

- Sự việc ông M biết bà U được cấp ngang 40m còn được thể hiện ở chỗ: Năm 1996, khi bà B và bà U tranh chấp với nhau ranh đất, chính ông M là nhân chứng, ông M làm đơn xác nhận gửi cơ quan thẩm quyền về ranh, bờ của bà U, về ranh đất của bà U; như vậy ông M biết rõ bà U được cấp đất đến vị trí nào thì mới xác nhận;

- Năm 1996, khi bà U tranh chấp với bà B thì Trưởng phòng địa chính huyện xác nhận đất của bà U ngang 40m (mặt tiền), dài 870m.

- Thời điểm năm 1990 bà U nhận chuyển nhượng là đất ruộng, đến khi chuyển dịch nuôi tôm khoảng năm 2002 thì diện tích đất của bà U vẫn không thay đổi so với giấy chứng nhận QSD đất. Căn cứ vào giấy chứng nhận QSD đất được cấp thì thửa đất của bà U có hai cạnh thẳng từ tiền đến hậu chứ không bị mất đi một đoạn như biên bản thẩm định thể hiện (bị mất ngay đoạn đang tranh chấp). Giấy chứng nhận QSD đất của ông M đứng tên thì hai cạnh hai bên thẳng từ tiền đến hậu, cạnh giáp đất bà U là đường thẳng trong khi đo đạc thực tế thì không phải cạnh thẳng mà thừa phần mặt tiền là phần đất tranh chấp.

Theo “Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp” ngày 17/3/2020 thể hiện: chiều dài phần đất Q1Q2 dài 77,05m; Q3Q4 dài 796,72m trong đó chiều dài có tranh chấp 185.05m (77,05m + 108m), chiều dài còn lại không tranh chấp 688,72m. Căn cứ vào kết quả đo đạc này thì đất của bà U có chiều dài 688,72m thì chiều ngang đủ 40m, còn lại đất giáp lộ xe dài 185.05m thì chiều ngang 36m. Trong khi đó giấy chứng nhận QSD đất của bà U có chiều ngang 40m, dài khoảng 873,77m với hai cạnh thẳng từ tiền đến hậu chứ không phải khuyết một đoạn dài 185.05m, ngang mặt tiền 36m. Nếu như ông M cho rằng bà U sang của Thuyền 36m ngang, nhưng

tại sao phần không tranh chấp vẫn đủ 40m ngang tức là tính từ hậu trở lên có chiều dài khoảng 688,72m thì chiều ngang đất bà U đủ 40m.

- Phần đất tranh chấp là cái bờ chung giữa phần đất của bà U và ông M, bờ chung ngang khoảng 4,5m (được nguyên đơn, bị đơn thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm). Về tập tục địa phương thì bờ, mương được hai hộ giáp ranh sử dụng chung. Thực tế, bờ ngang khoảng 4,5m thì bà U chỉ sử dụng bờ khoảng 02m và 02m bờ này nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của bà U, nhưng ông M đưa sáng mức vào phần bờ thuộc về quyền sử dụng đất của bà U được cấp. Tòa án huyện có văn bản hỏi Cơ quan thẩm quyền về đất tranh chấp. Tại văn bản số 158/CNVPĐKĐĐ ngày 30/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ phúc đáp và xác định phần đất tranh chấp nằm trên giấy chứng nhận QSD đất do bà Lê Kim U đứng tên.

- Khi Nhà nước có chủ trương làm lộ, Đoàn đo đạc thực tế đất để làm căn cứ bồi hoàn, thì bà U và ông M cũng xác định ranh giới, theo đó đo đạc thực tế để bồi hoàn thì đất bà U ngang hơn 40m.

Hội đồng xét xử xem xét một cách toàn diện nội dung giấy sang bán, quá trình kê khai cấp QSD đất, quá trình quản lý sử dụng, lời khai các nhân chứng là thân tộc của hai đương sự và xác nhận từ năm 1996 của Trưởng Phòng địa chính huyện Đ, ông M là nhân chứng xác nhận ranh đất cho bà U từ đó cho thấy ông M phải biết bà U có đất chiều ngang bao nhiêu mét thì mới làm chứng về ranh đất. Những chứng cứ này là khách quan và phù hợp với giấy chứng nhận mà UBND huyện cấp cho bà U. Bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn chỉ vì lý do trong giấy sang bán năm 1990 có nội dung bà T sang cho bà U 01 công đất thit.

Với những phân tích trên, đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp có tổng diện tích 756m² thuộc về QSD của bà Lê Kim U được UBND huyện Đ cấp vào ngày 12/02/1996. Do đó, kháng cáo của bà U được chấp nhận. Buộc ông M và những người trong gia đình giao trả cho bà U tổng diện tích đất 756m² thể hiện ở hai phần đất được cất bởi con lộ T – Phú Quý, phần đất nằm ngoài lộ xe có diện tích 324m², phần đất nằm trong lộ xe có diện tích 432m².

(Vị trí cụ thể được thể hiện tại Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 17/3/2020 (bút lục 68) và ngày 22/10/2020 (bút lục 167).

[2.2] Xét kháng cáo về nội dung yêu cầu khôi phục lại hiện trạng ban đầu

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút kháng cáo về nội dung yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu; căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 289 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo này.

[3] Từ nhận định trên, đình chỉ xét xử phúc thẩm với kháng cáo yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu bị

đơn giao trả quyền sử dụng đất diện tích 756m²; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị y án sơ thẩm; tuy nhiên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm với những nhận định trên.

[5] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Do sửa án sơ thẩm, nên có thay đổi về án phí và chi phí tố tụng.

Bà U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ; ông M người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí xem xét, thẩm định ông M phải chịu, ông M phải thanh toán lại cho bà U tiền 9.000.000 đồng. Chậm thanh toán phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

[7] Án phí phúc thẩm bà U không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c Khoản 1 Điều 289; Khoản 2 Điều 308, 309 và Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Kim U về yêu cầu bị đơn Lê Thanh M giao trả quyền sử dụng đất diện tích 756m²; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim U. Buộc ông Lê Thanh M và những thành viên trong gia đình gồm có bà Tiêu Thị S, anh Lê Vũ B, chị Lê Hồng C và Lê Cẩm H giao trả cho bà Lê Kim U diện tích đất 756m² thuộc thửa 182, 183 tờ bản đồ số 04 cấp ngày 12/02/1996 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do bà Lê Kim U đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất 756m² gồm có hai phần:

Phần ngoài lộ xe có diện tích 324m². Có các phía tiếp giáp: Phía Đông: Giáp lộ T – Đầm Dơi điểm M2M3 = 4,0m; Phía Tây: Giáp sông Bảo Mỹ M1M4 = 4.0m; Phía Nam: Giáp phần đất còn lại bà U đang quản lý sử dụng M3M4 = 77,05m; Phía Bắc: Giáp phần đất còn lại ông M đang quản lý sử dụng điểm M1M2 = 77,74m.

Phần đất trong lộ xe có diện tích 432m². Có các phía tiếp giáp: Phía Đông: Giáp con bờ giữa bà U và ông M điểm M6M7 = 4,0m; Phía Tây: Giáp lộ T – Đầm Dơi điểm M5M8 = 4,0m; Phía Nam: Giáp phần đất còn lại bà U đang quản lý sử dụng M8M7 = 108m; Phía Bắc: Giáp phần đất còn lại ông M đang quản lý sử dụng điểm M5M6 = 108m.

(Có kèm theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 17/3/2020 và ngày 22/10/2020)

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Thanh M phải chịu 9.000.000 đồng, bà Lê Kim U đã thanh toán đủ, nay ông M có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà U 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Trường hợp ông M chậm thanh toán tiền phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh M được miễn.

Bà Lê Kim U không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 473.000 đồng theo biên lai số 0009335 ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được nhận lại toàn bộ.

4. Án phí phúc thẩm: Bà U không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0011535 ngày 06/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được nhận lại toàn bộ.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Nguyễn Thị Hiền